

Bản án số: 72/2018/DS-ST
Ngày: 03-10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Lắm
2. Bà Võ Thị Bé Bảy

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 137/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2018/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Tô Thị Sa L, sinh năm 1987, có mặt; Địa chỉ: Ấp T, xã T2, huyện M, tỉnh Bến Tre, vắng mặt không lý do lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Vào ngày 01/4/2018, chị Tô Thị Sa L có đến cơ sở mua bán của ông để mua thức ăn chăn nuôi vịt, hai bên đã thỏa thuận hợp đồng miệng với nhau. Cụ thể: Ông bán cám cho chị L chăn nuôi vịt và bán lại cho người khác.

Đối với số lượng cám chị L mua để bán lại cho trại chăn nuôi thì các bên thỏa thuận ông sẽ cho chị L nợ 500 bao đầu, đến bao thứ 501 trở đi thì chị L lấy

bao nhiêu trả tiền mặt bấy nhiêu nhưng chị L không thực hiện đúng thỏa thuận. Tổng số cám chị L đã lấy của ông để bán lại là:

80 bao V01 x 240.000 đồng/01 bao = 19.200.000 đồng.

06 bao 118 x 260.000 đồng/01 bao = 1.560.000 đồng.

680 bao V02 X 235.000 đồng/01 bao = 159.800.000 đồng.

Tổng số tiền là 180.560.000 đồng.

Đối với số lượng cám ông bán cho chị L tại nhà để chị L chăn nuôi vịt, hai bên thỏa thuận ông sẽ cho chị L nợ số tiền mua cám đến khi ra vịt sẽ thanh toán nhưng khi vịt ra chuồng chị L thanh toán cho ông không đúng như thỏa thuận. Tổng số cám chị L đã mua để chăn nuôi vịt tại nhà là:

110 bao 4125 x 245.000 đồng/bao = 26.950.000 đồng

266 bao 4132 x 235.000 đồng/bao = 62.510.000 đồng

Tổng số tiền là 89.460.000 đồng.

Chị Ly có trả cho ông được 50.000.000 đồng, trả làm 02 lần, cụ thể như sau:

Ngày 08/6/2018: trả 30 triệu đồng.

Ngày 11/6/2018: trả 20 triệu đồng.

Như vậy, tổng số tiền chị L còn nợ lại ông là 220.020.000 đồng. Ông thừa nhận ông có thỏa thuận với chị L là sẽ bớt cho chị L mỗi bao thức ăn chị L lấy để bán lại cho trại vịt ông C ở Tiền Giang là 10.000 đồng nhưng chỉ bớt khi chị L thanh toán tiền thức ăn cho ông đầy đủ đúng thỏa thuận. Do chị L không thanh toán đầy đủ tiền thức ăn cho ông như thỏa thuận nên ông không đồng ý bớt chị L mỗi bao 10.000 đồng. Việc thỏa thuận tiền chênh lệch chăn nuôi vịt thì ông hoàn toàn không biết, đây là thỏa thuận của ông P và chị L. Tại đơn khởi kiện, ông yêu cầu chị L thanh toán cho ông số tiền thức ăn chăn nuôi vịt còn nợ là 221.155.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 16/6/2018 cho đến ngày Tòa xét xử. Nay ông thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông yêu cầu chị L phải thanh toán cho ông số tiền thức ăn chăn nuôi vịt còn nợ là 220.020.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn chị Tô Thị Sa L trình bày:

Chị thừa nhận có mua cám chăn nuôi vịt của ông H, khi cần mua cám thì chị điện thoại cho anh Nguyễn Thanh P – Nhân viên của công ty Nông lâm Vina, hiện anh P đã bị nghỉ việc. Sau đó anh P sẽ chở thức ăn về cơ sở của ông H, ông H chở thức ăn cho chị. Chị có mua cám của ông H để chăn nuôi vịt tại nhà và chị bán lại cho trại vịt anh C ở Tiền Giang.

Đối với số lượng thức ăn chị mua để chăn nuôi vịt tại nhà tính từ ngày 01/4/2018 bao gồm:

110 bao 4125 x 245.000 đồng/bao = 26.950.000 đồng

266 bao 4132 x 235.000 đồng/bao = 62.510.000 đồng

Tổng số tiền là 89.460.000 đồng.

Chị có hoàn trả cho ông H được 50.000.000 đồng, trả làm 02 lần, cụ thể như sau:

Ngày 08/6/2018: trả 30 triệu đồng.

Ngày 11/6/2018: trả 20 triệu đồng.

Ngoài ra, chị có mua cám của ông H để bán cho trại chăn nuôi vịt tại Tiền Giang, hai bên đã thỏa thuận hợp đồng miệng với nhau về việc mua bán cám chăn nuôi vịt. Ông H sẽ cho chị nợ 500 bao đầu, đến bao thứ 501 trở đi thì chị lấy bao nhiêu trả tiền mặt bấy nhiêu. Mỗi lần nhận thức ăn không ký nhận, khoảng 2-3 ngày sau khi nhận thì ông H đem sổ xuống chị ký tên nhận cám. Tổng số cám mà chị đã mua của ông H để bán lại nhưng chưa thanh toán là:

280 bao V02 x 235.000 đồng/bao = 65.800.000 đồng.

200 bao V02 x 235.000 đồng/bao = 47.000.000 đồng.

06 bao 118 x 260.000 đồng/bao = 1.560.000 đồng.

80 bao V01 x 240.000 đồng/bao = 19.200.000 đồng.

Tổng số tiền là 133.560.000 đồng. Hai bên thỏa thuận ông H sẽ bớt cho chị mỗi bao cám chị mua để bán lại là 10.000 đồng. Chị đã mua của ông H 566 bao thức ăn để bán lại nên chị được bớt số tiền là 5.660.000 đồng. Vì vậy, chị còn nợ ông H số tiền thức ăn chị mua để bán lại là 127.900.000 đồng.

Tổng số tiền chị còn nợ ông H là 167.360.000 đồng.

Việc chị mua cám của ông H là do chị và ông H, anh P thỏa thuận chị mua cám của công ty anh P, anh P đảm bảo chị lấy vịt đồng thời với cám của anh P, đảm bảo vịt đạt số kg là 3,2kg/con. Nếu vịt con nào không đạt thì anh P sẽ bù sao cho đạt 3,2kg. Trong quá trình chị chăn nuôi và lấy vịt cho khách hàng chăn nuôi thì vịt không đạt chất lượng như thỏa thuận nhưng anh P không xuống xem vịt. Việc thỏa thuận này chỉ là thỏa thuận miệng, không có lập thành hợp đồng. Quá trình chị chăn nuôi vịt như sau:

Chị mua của anh P 2.500 con vịt, thỏa thuận anh P trừ cho chị mỗi con 1.000 đồng nên anh P còn nợ lại 2.500.000 đồng.

Vịt chị chăn nuôi tại nhà là 2.000 con nhưng chỉ bán được 1.760 con tổng cộng 04 tấn 630kg, chênh lệch với trọng lượng thỏa thuận 3,2kg là 0,56kg x 1.760 con = 985,6kg x 42.000 đồng/kg = 41.395.000 đồng. Ngoài ra, giá vịt bán chỉ được 39.000 đồng/kg chênh lệch giá thị trường là 3.000 đồng/kg x 04 tấn 630kg = 13.890.000 đồng. Tổng số tiền chênh lệch là 55.285.000 đồng.

Vịt chị để khách hàng chăn nuôi tại Tiền Giang là 3.500.000 con nhưng chỉ bán được 3.300 con tổng cộng 09 tấn 90kg, chênh lệch với trọng lượng thỏa thuận 3,2kg là 0,45kg x 3.300 con = 1.485kg x 42.000 đồng/kg = 62.370.000 đồng. Ngoài ra, giá vịt bán chỉ được 41.000 đồng/kg chênh lệch giá thị trường là 1.000 đồng/kg x 09 tấn 90kg = 9.090.000 đồng. Tổng số tiền chênh lệch là 71.460.000 đồng.

Tổng số tiền chênh lệch tiền vịt là 126.745.000 đồng.

Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận ông H bớt cho chị mỗi bao cám chị mua để chăn nuôi tại nhà là 5.000 đồng nên được trừ lại 376 bao x 5.000 đồng/bao = 1.880.000 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu khấu trừ là 131.125.000 đồng.

Ông H và chị có thỏa thuận ông H sẽ bớt cho chị mỗi bao thức ăn chị mua để bán lại cho trại vịt ông C ở Tiền Giang là 10.000 đồng. Hoàn toàn không có việc thỏa thuận chỉ bớt khi chị thanh toán tiền thức ăn cho ông H đầy đủ đúng thỏa thuận là thanh toán khi vịt ra chuồng. Tổng số tiền thức ăn chị còn nợ lại ông H là 167.360.000 đồng. Nay chị chỉ đồng ý hoàn trả cho ông H hơn số tiền 36.235.000 đồng sau khi đã khấu trừ số tiền 131.125.000 đồng là tiền chênh lệch từ việc chăn nuôi vịt. Chị không đồng ý trả lãi cho ông H vì giữa hai bên không có thỏa thuận về việc tính lãi này.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/8/2018, người làm chứng Lê Thanh B (C) do nguyên đơn triệu tập trình bày như sau:

Anh là người bạn làm ăn với chị Tô Thị Sa L, giữa hai bên bắt đầu làm ăn với nhau cách nay khoảng 03 tháng. Chị L là người bán vịt, thức ăn chăn nuôi vịt và anh là người mua. Anh có biết ông H thông qua những người tiếp thị thức ăn đến trại vịt của anh chứ giữa anh và ông H không có mua bán làm ăn với nhau. Anh chỉ nhớ có mua của chị L 764 bao thức ăn V01 và V02, cụ thể số lượng bao của từng loại anh không nhớ rõ vì thời gian đã lâu. Anh đã thanh toán tiền đầy đủ cho chị L, tổng số tiền đã thanh toán không nhớ chính xác, khi thanh toán thì anh đưa tiền cho tài xế của anh và có điện thoại báo cho chị Ly trước để chị Ly gặp tài xế nhận tiền. Khi chị Ly giao thức ăn cho anh và anh giao tiền cho chị L đều không có lập biên bản giao nhận. Ngoài ra, anh và chị L có thỏa thuận chị L bán vịt và thức ăn cho anh đảm bảo ra chuồng đúng 3,2 kg nhưng khi ra chuồng không đảm bảo và anh không có tranh chấp với chị L về số tiền chênh lệch này.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đảm bảo, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật cụ thể vắng mặt trong các lần Tòa mời xét xử.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Tô Thị Sa L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền mua bán thức ăn là 173.020.000 đồng. Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 20/6/2018, ông Nguyễn Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Tô Thị Sa L có nghĩa vụ hoàn trả cho ông số tiền nợ thức ăn là 221.155.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 16/6/2018 cho đến ngày Tòa xét xử. Căn cứ yêu cầu của nguyên đơn và nội dung vụ án cần phải giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ

án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Theo xác nhận nơi cư trú ngày 20/6/2018 của Công an xã T1 xác định bị đơn chị Tô Thị Sa L có nơi cư trú tại ấp T, xã T1, huyện M nên căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện so với đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2018. Cụ thể: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H yêu cầu chị Tô Thị Sa L phải thanh toán cho ông số tiền thức ăn còn nợ là 220.020.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[3] Đối với bị đơn chị Tô Thị Sa L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do lần thứ hai nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L là phù hợp.

[4] Nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn thống nhất giữa hai bên có xác lập hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi vịt và việc xác lập hợp đồng giữa hai bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm nên hợp đồng mua bán giữa các bên là hợp pháp. Bị đơn chị Tô Thị Sa L và nguyên đơn ông Nguyễn Văn H thống nhất chị Tô Thị Sa L còn nợ ông Nguyễn Văn H số tiền thức ăn chị L mua để chăn nuôi vịt tại nhà với số tiền là 89.460.000 đồng. Đối với số thức ăn chị L mua để bán cho trại vịt ở Tiền Giang thì chị chỉ thừa nhận còn nợ ông H số tiền 133.560.000 đồng bao gồm 280 bao V02 x 235.000 đồng/bao = 65.800.000 đồng, 200 bao V02 x 235.000 đồng/bao = 47.000.000 đồng, 06 bao 118 x 260.000 đồng/bao = 1.560.000 đồng, 80 bao V01 x 240.000 đồng/bao = 19.200.000 đồng. Chị L cho rằng 200 bao V02 chênh lệch giữa chị và ông H thì chị không có mua nên chị không có ký tên xác nhận. Xét thấy, đối với 200 bao V02 chị L cho rằng không có mua của ông H và ông H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Tại giấy theo dõi việc mua bán của ông H và chị L có thể hiện nội dung về số lượng, chủng loại, số tiền thức ăn chị L có mua của ông H thì chỉ tại mục ghi 200 bao V02 chị L không có ký tên xác nhận. Tòa án đã ra Thông báo giao nộp chứng cứ yêu cầu ông H cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh và ông H có triệu tập được người làm chứng là anh Lê Thanh B (người mua thức ăn của chị L tại Tiền Giang). Tuy nhiên, anh B cho rằng anh không nhớ rõ số lượng từng loại thức ăn, số tiền đã giao cho chị L và việc mua bán của anh và chị L không có lập biên bản nên không có cơ sở để xác định chị L có mua của ông H 200 bao V02. Vì vậy, xác định số tiền thức ăn chị L đã mua của ông H để bán lại là 133.560.000 đồng.

Tổng số tiền chị L đã mua thức ăn của ông H là 223.020.000 đồng. Các đương sự thống nhất chị L đã hoàn trả cho ông H số tiền 50.000.000 đồng nên xác định chị L còn nợ lại ông H số tiền 173.020.000 đồng và căn cứ vào Điều 440 Bộ

luật dân sự năm 2015 buộc chị L phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền còn nợ cho ông H.

[5] Chị L cho rằng khi mua bán các bên có thỏa thuận ông H sẽ bớt cho chị mỗi bao thức ăn chị mua để bán cho trại vịt Tiền Giang là 10.000 đồng/01 bao. Ông H cũng thừa nhận có việc thỏa thuận này nhưng ông cho rằng chỉ bớt khi nào chị L thanh toán đúng thỏa thuận nhưng nay chị L thanh toán không đúng nên ông không đồng ý. Tòa án đã ra Thông báo giao nộp chứng cứ yêu cầu các đương sự cung cấp chứng cứ chứng minh nhưng không ai cung cấp được. Theo quy định pháp luật thì quyền và nghĩa vụ của các đương sự đi đôi với nhau, hiện chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ông H, thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán tiền mua thức ăn với ông H nên chị L không được thực hiện quyền yêu cầu này. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu này của chị L là có căn cứ.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án chị L yêu cầu được khấu trừ số tiền chênh lệch do hợp đồng chăn nuôi vịt của chị và ông H, anh P. Tòa án đã ra Thông báo cho chị làm đơn yêu cầu phản tố nhưng chị không làm đơn nên Tòa án không xem xét yêu cầu này của chị L. Chị L được quyền khởi kiện trong một vụ kiện khác, khi có yêu cầu.

[7] Đối với yêu cầu tính lãi: Ghi nhận ông Nguyễn Văn H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền chị Tô Thị Sa L phải có nghĩa vụ hoàn trả.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc chị Tô Thị sa L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với số tiền có nghĩa vụ hoàn trả là: $173.020.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.651.000 \text{ đồng}$.

Do yêu cầu của ông H không được chấp nhận toàn bộ nên buộc ông H phải có chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền không được chấp nhận là: $47.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.350.000 \text{ đồng}$.

[9] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự ; các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

Buộc chị Tô Thị Sa L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền mua thức ăn là 173.020.000 đồng.

Ghi nhận ông Nguyễn Văn H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền chị Tô Thị Sa L phải có nghĩa vụ hoàn trả.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc chị Tô Thị Sa L phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.651.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn H phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.350.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.529.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009425 ngày 22/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên hoàn trả lại cho ông H số tiền 3.179.000 đồng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Kim Sang